

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ K, sinh năm 1998; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp LC, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: ấp LTB, xã LKA, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Văn Chí L, sinh năm 1993; Địa chỉ nơi cư trú: ấp LC, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ nơi cư trú: ấp LC, xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ K trình bày: Chị và anh Phùng Văn Chí L cưới nhau vào năm 2017, hôn nhân có tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau khi cưới vợ chồng đi thành phố làm khoảng một năm thì về nhà anh L sống. Đến đầu năm 2019 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh L nhậu nhẹt, cờ bạc, cho dù chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh L vẫn không sửa đổi, nên vợ chồng cãi nhau thường xuyên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nữa và đến ngày 26/4/2020 chị về nhà mẹ ruột sống cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Phùng Văn Chí L, vì tình cảm không còn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phùng Thị Thương H, sinh ngày 14/02/2018 (hiện cháu Hoài đang sống với anh L), nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Trước đây, chị yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả 25.000.000 đồng tiền chị gửi để vợ chồng chia đôi. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị rút lại yêu cầu này. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Phùng Văn Chí L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Mỹ K cưới nhau vào năm 2017, hôn nhân có tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LKB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau khi cưới vợ chồng đi thành phố làm khoảng một năm sau về nhà anh sống. Đến đầu năm 2019, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, sống không hạnh phúc nữa nên chị K về nhà mẹ ruột chị sống từ ngày 19/4/2020 (âm lịch) cho đến nay. Nay chị K yêu cầu ly hôn anh đồng ý, vì tình cảm không còn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phùng Thị Thương H, sinh ngày 14/02/2018 (hiện cháu H đang sống với anh), nay ly hôn anh yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu chị K cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Đối với yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ K chia đôi 01 lượng vàng 24 kara 9T8, 01 cặp nhẫn 01 chỉ vàng 18 kara và 01 tủ quần áo, thì

giữa anh và chị K đã tự thỏa thuận xong, nên anh rút lại yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày không thống nhất trả 25.000.000 đồng vì bà không có nhận tiền gì của vợ chồng anh L và chị K.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, công nhận sự thỏa thuận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ K và anh Phùng Văn Chí L; về con chung, chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung tên Phùng Thị Thương H, sinh ngày 14/02/2018 của chị K và không buộc anh L cấp dưỡng nuôi con do chị K không có yêu cầu; về chia tài sản chung: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản của chị K và anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mỹ K và anh Phùng Văn Chí L là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Tại phiên tòa hôm nay, chị K yêu cầu được ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn và anh L cũng thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị K và anh L.

[3] Về nuôi con chung: Chị K và anh L đều yêu cầu được chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phùng Thị Thương H, sinh ngày 14/02/2018, Hội đồng xét xử xét thấy, chị K và anh L đều chứng minh được có khả năng kinh tế để chăm sóc con chung, tuy nhiên do hiện nay cháu Thương H mới được 30 tháng tuổi và lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, nên Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị K là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[4] Về chia tài sản chung: Do tại phiên tòa chị K và anh L rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác về tài sản, nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản của chị K và anh L.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 147, 217 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; áp dụng các Điều 53, 55, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mỹ K và anh Phùng Văn Chí L.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ K.

2.1. Giao cháu Phùng Thị Thương H, sinh ngày 14/02/2018 cho chị Nguyễn Thị Mỹ K nuôi dưỡng.

2.2. Anh Phùng Văn Chí L không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mỹ K về việc buộc bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền 25.000.000 đồng để chị và anh L chia đôi.

3.2. Đình chỉ yêu cầu của anh Phùng Văn Chí L về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ K chia đôi 01 lượng vàng 24kra 9^T8, 01 cặp nhẫn 01 chỉ vàng 18kra và 01 tủ quần áo.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1. Chị Nguyễn Thị Mỹ K chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp 612.000 đồng theo biên lai thu số 0001290 ngày 19/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Chị K được nhận lại 312.000 đồng.

4.2. Anh Phùng Văn Chí L được nhận lại 697.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003040 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Lương Bằng